TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 07/11/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Kim Mỹ.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 153/2019/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Như C, sinh năm 1986; ĐKHKTT: Số 60, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú tại: Số 44, ngõ 14, phố M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Phạm Thị H (Phạm Thiên H), sinh năm 1985; ĐKHKTT: số 60, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình, hiện cư trú tại: xóm 13, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Đặng Như C trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND thị trấn P, huyện K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại phố P, thị trấn P là quê của anh. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh C thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường

xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng mối quan hệ của vợ chồng vẫn không được cải thiện, nên anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2015, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa; anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Như Q, sinh ngày 14/10/2008 và Đặng Hồng N, sinh ngày 15/8/2014. Hiện nay cháu Q đang ở cùng anh còn cháu N ở cùng chị H. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, để chị H nuôi dưỡng cháu N. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị H trong bản tự khai trình bày: Chị và anh C kết hôn đến nay đã được 12 năm và có với nhau 2 người con. Trong thời gian chung sống cùng anh C, chị thấy anh C là người không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, không tu trí làm ăn, chơi bời triền miên. Khi chị sinh con thứ 2 thì anh C đã tự bỏ gia đình đi nơi khác để sinh sống, đi đâu làm gì, chị không biết. Từ trước đến nay, anh C đối xử tệ bạc với chị nhưng chị vẫn chịu đựng vì thương các con. Nhưng nay anh C kiên quyết ly hôn với chị thì chị nhất trí, chị yêu cầu anh C tự giải quyết vì điều kiện công việc chị không thể lên Tòa án để làm việc được Đến năm 2018, chị được các anh em nhà chồng cho biết anh C đã lén lút có người khác. Và vì lý do đó nên anh C yêu cầu ly hôn với chị.

Về con chung: Chị H công nhận vợ chồng có 02 con chung là Đặng Như Q và Đặng Hồng N; trước đây đều do chị trực tiếp nuôi dưỡng, trước khi làm thủ tục ly hôn chị anh C đã về đón cháu Q đi. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị nhưng không yêu cầu mức đóng góp cụ thể.

Về tài sản: Chị H không có yêu cầu Tòa án giải quyết

Con chung của vợ chồng là Đặng Như Q thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến theo quy định của Luật HNGĐ thì cháu Q có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Anh C, chị H đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt do bận công việc, không thể tham gia phiên xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ kiện: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa anh Đặng Như C và chị Phạm Thị H. Giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung của vợ chồng là Đặng Như Q, sinh ngày 14/10/2008, giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Đặng Hồng N sinh ngày 15/8/2014. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Anh C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Đặng Như C khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Phạm Thị H, hiện cư trú tại xóm 13, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn anh Đặng Như C và bị đơn chị Phạm Thị H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng do bận công việc anh C, chị H đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Như C và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh C trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Về phía chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng do anh C chơi bời, không tu trí làm ăn, không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con; việc chị chịu đựng chấp nhận cuộc sống ly thân với anh C một thời gian dài mà không làm thủ tục ly hôn là vì trách nhiệm với các con , nay anh C yêu cầu giải quyết ly hôn chị cũng nhất trí.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh C và chị H tại UBND thị trấn P là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương cung cấp do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2015 vợ chồng anh C và chị H đã sống ly thân. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên trình bày là khác nhau nhưng anh C và chị H đều xác định vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2015. Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành hòa giải nhằm khắc phục mâu thuân cho đôi bên nhưng nhưng chị H từ chối tham gia hoà giải.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh C, chị H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh C giải quyết ly hôn chị H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Anh Đặng Như C và chị Phạm Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Đặng Như Q, sinh ngày 14/10/2008 và Đặng Hồng N, sinh

ngày 15/8/2014. Hiện cháu Q đang do anh C nuôi dưỡng còn chị H đang nuôi dưỡng cháu N.

Về phía anh C, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q, để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N khi vợ chồng ly hôn; Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Về phía chị H, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: cả anh C và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếpnuôi dưỡng con chung; mặc dù chị Hương có yêu cầu được nuôi cả hai con chung nhưng không chứng minh được chị có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con đến khi thành niên; hơn nữa cháu Đặng Như Q là con chung của vợ chồng anh chị khi được hỏi ý kiến thì cháu có nguyện vọng được ở với anh C khi bố mẹ ly hôn.

Căn cứ thực tế nuôi dưỡng và nghề nghiệp thu nhập của anh C và chị H cũng như đảm bảo cuộc sống ổn định sinh hoạt và học tập ổn định của các con chung và tôn trọng nguyện vọng của cháu Q thì việc giao cháu Q cho anh C nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau theo đề xuất của anh C là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] Về quan hệ tài sản: Anh C và chị H đều xác định vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó về vấn đề này Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh C phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa anh Đặng Như C và chị Phạm Thị H (Phạm Thiên H)

2/ Về con chung: Giao anh Đặng Như C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đặng Như Q, sinh ngày 14/10/2008 đến khi thành niên; giao chị Phạm Thị H (Phạm Thiên H) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đặng Hồng N sinh ngày 15/8/2014 đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Anh Đặng Như C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3105 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh